

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 06-3-2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MÔ, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Ký

2. Ông Phạm Văn Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Giang Thị Quỳnh Loan – Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Chị Trịnh Thị H**, sinh năm: 1985 (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: xóm 3, xã K, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình;

Chỗ ở hiện nay: số nhà 59/6, khu phố 2, phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* **Anh Trịnh Quang D**, sinh năm: 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: xóm 3, xã K, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Trịnh Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị H và anh Trịnh Quang D được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng kết hôn vào ngày 17/11/2004 tại UBND xã Khánh Thịnh, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn chị H, anh D chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D không tin tưởng chị H, nên thường xuyên chửi và đánh chị H. Do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên năm 2011 và năm 2019 chị H đã làm đơn xin ly hôn anh D nhưng vì hai con còn nhỏ chị H muốn cho anh D có cơ hội thay đổi, sửa chữa nên đã rút đơn và Tòa án đã quyết định đình chỉ vụ án. Tuy nhiên, sau khi chị H rút đơn mâu thuẫn giữa chị H và anh D ngày càng trầm trọng nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2019

cho đến nay. Chị H xác định không còn tình cảm với anh D, mâu thuẫn gia đình đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị H và anh D có 2 con chung là cháu Trịnh Thị Trà M, sinh ngày: 28/10/2006 và cháu Trịnh Quang Đ, sinh ngày: 15/01/2008. Nay vợ chồng ly hôn, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu Trịnh Thị Trà M và Trịnh Quang Đ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về điều kiện nuôi con: hiện nay chị H là công nhân công ty TNHH Sejin Oriental Medical Clinic, thu nhập ổn định 16.000.000đ/tháng, thời gian làm việc từ 8h đến 19h30 thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần nên chị có đủ điều kiện kinh tế, thời gian để nuôi dưỡng, chăm sóc con cái.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 31/10/2022, bị đơn anh Trịnh Quang D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh D thống nhất như phần trình bày của chị Trịnh Thị H về thời gian tìm hiểu, việc đăng ký kết hôn của hai vợ chồng. Sau khi kết hôn anh D, chị H chung sống với nhau hạnh phúc, thỉnh thoảng có xảy ra cãi vã. Hiện tại anh D làm nghề lái xe Bắc-Nam còn chị H và hai con đang sinh sống trong Đồng Nai nên khi anh D đi làm vào trong đó chị H và anh D vẫn chung sống với nhau bình thường. Anh D không đồng ý ly hôn với chị H vì vẫn còn tình cảm với chị H.

Về con chung: anh D thống nhất với ý kiến của chị H, anh chị có 2 con chung là cháu Trịnh Thị Trà M, sinh ngày: 28/10/2006 và cháu Trịnh Quang Đ, sinh ngày: 15/01/2008. Nếu anh và chị H ly hôn thì các cháu ở với ai là do các cháu quyết định.

Về chia tài sản chung, nợ chung: anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 30/11/2022, UBND xã Khánh Thịnh, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình cung cấp: Chị H, anh D kết hôn với nhau vào năm 2004 và chung sống với nhau tại xóm 3, xã Khánh Thịnh, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Trong quá trình chung sống với nhau chị H và anh D có phát sinh mâu thuẫn, anh chị thường xuyên đánh, cãi chửi nhau và cũng đã được hàng xóm can ngăn nhiều lần. Năm 2019 chị H đã chuyển vào trong Biên Hòa, Đồng Nai sinh sống từ đó cho đến nay còn anh D vẫn sinh sống tại xóm 3, xã Khánh Thịnh, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Các con chung của chị H, anh D đang sinh sống và học tập trong Biên Hòa, Đồng Nai cùng chị H.

Tại Biên bản ghi ý kiến con chưa thành niên: hai cháu Trịnh Thị Trà M và Trịnh Quang Đ có nguyện vọng muốn ở với mẹ nếu bố mẹ các cháu ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án là đúng; việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật còn bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết nội dung vụ án: áp dụng Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận

yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị H, xử cho ly hôn giữa chị Trịnh Thị H và anh Trịnh Quang D.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Trịnh Thị Trà M và cháu Trịnh Quang Đ cho chị Trịnh Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh Trịnh Quang D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trịnh Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Yên Mô nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Chị Trịnh Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Trịnh Quang D, anh Trịnh Quang D có nơi cư trú tại huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn, bị đơn nhưng nguyên đơn, bị đơn đều đã có Đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị H và anh Trịnh Quang D đăng ký kết hôn vào ngày 17/11/2004 tại UBND xã Khánh Thịnh, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình trên cơ sở tự nguyện đến với nhau, không vi phạm điều cấm của pháp luật là hôn nhân hợp pháp. Chị H cho rằng anh D thường xuyên đánh chửi chị H nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D còn anh D cho rằng vợ chồng vẫn chung sống bình thường, anh vẫn còn tình cảm với chị H nên không đồng ý ly hôn.

Theo xác nhận của UBND xã Khánh Thịnh và các tài liệu, chứng cứ do chị H cung cấp, trong quá trình sinh sống tại địa phương chị H và anh D thường xuyên cãi chửi nhau và không chung sống cùng nhau từ năm 2019 đến nay. Mặt khác chị H đã hai lần làm đơn xin ly hôn anh D, sau khi chị H rút đơn hai vợ chồng vẫn không về đoàn tụ với nhau, điều đó đã chứng tỏ tình trạng vợ chồng của chị H, anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H và anh D đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19, Điều 21 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh Trịnh Quang D không đồng ý ly hôn với chị Trịnh Thị H nhưng không có biện pháp khắc phục tình trạng vợ chồng, tại phiên hòa giải mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do cũng đã thể hiện anh D không tha thiết có nguyện vọng đoàn tụ cùng chị H để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình.

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử nhận thấy

yêu cầu xin được ly hôn anh Trịnh Quang D của chị Trịnh Thị H là có cơ sở cần chấp nhận yêu cầu của chị Trịnh Thị H, xử cho ly hôn giữa chị Trịnh Thị H và anh Trịnh Quang D.

Về con chung: Chị H và anh D đều thống nhất, anh chị có 2 con chung là cháu Trịnh Thị Trà M, sinh ngày: 28/10/2006 và cháu Trịnh Quang Đ, sinh ngày: 15/01/2008. Nếu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu Trịnh Thị Trà M và Trịnh Quang Đ còn anh D tôn trọng quyền quyết định của hai con, các cháu muốn ở với ai là quyền của các cháu. Xét thấy hiện nay hai cháu My và Đại đang sinh sống và học tập ổn định tại Biên Hòa, Đồng Nai, bản thân các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ, để không làm xáo trộn cuộc sống của các cháu, căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của các cháu, nguyện vọng của các cháu và của chị H, anh D, cần giao hai cháu Trịnh Thị Trà M và Trịnh Quang Đ cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên là phù hợp quy định khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H có đủ điều kiện kinh tế để nuôi con, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con nên cần chấp nhận ý kiến của chị H, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh D đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo:

Về án phí dân sự sơ thẩm: trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên chị Trịnh Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 21, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị H về ly hôn với anh Trịnh Quang D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trịnh Thị H và anh Trịnh Quang D. Quan hệ hôn nhân giữa chị Trịnh Thị H và anh Trịnh Quang D chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung:

Giao cháu Trịnh Thị Trà M, sinh ngày: 28/10/2006 và cháu Trịnh Quang Đ, sinh ngày: 15/01/2008 cho chị Trịnh Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh Trịnh Quang D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trịnh Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0006380 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Chị Trịnh Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Yên Mô;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Mô;
- UBND xã K;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Thu Minh